

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2422/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Nam Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa nhóm thủ tục hành chính và các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Nam Định (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao các Sở, ngành có liên quan phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh:

1. Thực thi phương án đơn giản hóa đối với các trường hợp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

2. Dự thảo văn bản thực thi các phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thông qua.

Điều 3. Giao Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Lê Đoài

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số: 2422/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)

I. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH - ĐẦU TƯ

1. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư

Nội dung kiến nghị đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ

Lý do: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Kiến nghị thực thi: bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có)”. Đề nghị sửa Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Việc kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ trong TTHC giúp giảm các chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp khi phải chuẩn bị hồ sơ.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. TTHC lĩnh vực Văn hóa cơ sở

a. Thủ tục thông báo sản phẩm quảng cáo

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa:

+ Đề nghị sửa thành phần hồ sơ “Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo” thành “Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo đối với quảng cáo từ 20m² trở lên và biển quảng cáo dưới 20m² treo ở vị trí công cộng”.

Lý do: Hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo đối với bảng quảng cáo treo tại vị trí các cửa hàng, cửa hiệu là không cần thiết vì trong thông báo sản phẩm quảng cáo đã có địa chỉ cụ thể thực hiện quảng cáo được chủ cửa hàng hoặc chủ cơ sở cho phép treo mới được treo, không cần thiết phải chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo.

+ Đề nghị sửa thành phần hồ sơ “Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo” thành “Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo đối với bảng quảng cáo có diện tích 20m² trở lên”.

Lý do: Trong thông báo sản phẩm quảng cáo đối với bảng quảng cáo dưới 20m² đã ghi địa điểm thực hiện quảng cáo. Mặt khác, trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo xin thực hiện nhiều bảng quảng cáo nhỏ dưới 20m² mà mỗi bảng là 1 địa chỉ thì thành phần hồ sơ sẽ rất nhiều, gây lãng phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện quảng cáo.

- Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 29 Luật quảng cáo.

- Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC nhanh chóng, kịp thời:

* Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 24.180.000 đồng/năm

* Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.580.000 đồng/năm.

* Chi phí tiết kiệm: 9.600.000 đồng/năm.

* Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

b. Thủ tục Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa:

+ Về thời hạn giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo được công bố đề nghị giảm xuống từ 10 ngày xuống 08 ngày (giảm 02 ngày).

Lý do: Ngày 24/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2068/QĐ-UBND về việc thông qua phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, trong đó, đã giảm thời hạn giải quyết TTHC này từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc (giảm 05 ngày làm việc). Tuy nhiên, qua quá trình giải quyết, thời gian 10 ngày làm việc vẫn còn dài. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian và tiết kiệm chi phí cho cá nhân, tổ chức, đề nghị cắt giảm khoảng thời gian này từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

- Kiến nghị thực thi:

Điểm c, Khoản 1, Điều 36 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội quy định như sau: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương không đồng ý với thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện quảng cáo theo nội dung đã thông báo”. Phương án đơn giản hóa TTHC đề nghị sửa đổi nội dung Điểm c, Khoản 1, Điều 36 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, cụ thể như sau: “Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương không đồng ý với thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện quảng cáo theo nội dung đã thông báo”.

- Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân được giải quyết TTHC một cách nhanh chóng, kịp thời

* Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 265.650.000 đồng;

* Chi phí tuân TTHC sau khi đơn giản hóa: 215.050.000 đồng;

* Chi phí tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức: 50.600.000 đồng;

* Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện TTHC: 20%;

* Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,01%.

2. Lĩnh vực Nghệ thuật Biểu diễn

Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa: Thẩm quyền quyết định đối với kết quả giải quyết TTHC.

Lý do: Thực hiện chủ trương về cải cách TTHC; rà soát, đơn giản hóa để rút ngắn thời gian giải quyết, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính vì: Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ (thay thế Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số

15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP); thẩm quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước và phần lớn TTHC lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn thuộc về Ủy ban nhân dân tỉnh. Bên cạnh đó, một số TTHC có thời hạn giải quyết ngắn ngày vì vậy công tác quản lý nhà nước, cải cách TTHC của cơ quan chuyên môn cũng như việc thực hiện TTHC của tổ chức, cá nhân gặp nhiều khó khăn.

- Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi tại khoản 3, khoản 4 Điều 9 của Nghị định 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn “Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao nơi tổ chức tiếp nhận thông báo...” để thực hiện.

- Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân được giải quyết TTHC nhanh chóng, kịp thời:

* Hạn chế việc chờ đợi nhiều ngày làm mất thời gian, lỡ cơ hội xúc tiến cho các hoạt động của tổ chức, cá nhân.

* Chi phí tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức: 95.600.000 đồng;

* Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,01%

III. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

1. Thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y

Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” và “Chứng chỉ hành nghề thú y”. Thông tin liên quan đến 02 loại giấy tờ này sẽ được liệt kê tại “Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y” và được kiểm tra khi thực hiện đánh giá điều kiện thực tế tại cơ sở theo quy định.

Lý do: Những loại giấy tờ này đã được cơ quan nhà nước cấp trước đó, đơn vị giải quyết TTHC sẽ tra cứu thông tin “Chứng chỉ hành nghề thú y” trên hệ thống lưu trữ và tra cứu thông tin “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” trên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Kiến nghị thực thi:

+ Bãi bỏ điểm c, d khoản 1 Điều 97 Luật Thú y; bãi bỏ thông tin “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” và “Chứng chỉ hành nghề thú y” tại đơn đăng ký, gia hạn kiểm tra điều kiện

buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (Phụ lục XX-Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc thú y);

+ Bổ sung thông tin liên quan đến 02 loại giấy tờ trên trong Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (Phụ lục XXII - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016).

- Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Thành phần hồ sơ của TTHC đơn giản, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc chuẩn bị hồ sơ.

2. Nhóm TTHC cấp giấy chứng nhận kiểm dịch (02 TTHC)

Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh;

Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa:

Sửa đổi mẫu Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 1 Phụ lục I - Thông tư số 25/2016/TTBNNPTNT ngày 30/6/2016); mẫu Giấy đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 01 TS Phụ lục V, Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016), cụ thể: bãi bỏ nội dung giải thích ở cuối mẫu đơn: “Đơn đăng ký/Giấy đăng ký kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ”.

Lý do: Giảm thời gian, chi phí, đơn giản hóa việc đăng ký kiểm dịch.

- Kiến nghị thực thi

Sửa đổi mẫu Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 1 Phụ lục I - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016).

Sửa đổi mẫu Giấy đăng ký kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mẫu 01 TS Phụ lục V, Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016).

- Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm 50% chi phí in ấn mẫu đơn, giảm 50% thời gian viết đơn đối với nhóm thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch.

3. Thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp:

Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa:

* Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC, cụ thể:

+ Cắt giảm từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc (đối với trường hợp không cần kiểm tra thực tế);

+ Cắt giảm từ 30 ngày xuống còn 15 ngày (đối với trường hợp cần tiến hành kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi trồng);

Lý do: Trình tự giải quyết TTHC này tương đối đơn giản, nếu cơ sở đảm bảo điều kiện nuôi, trồng (thông qua việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ) hoặc cần thiết phải thực hiện kiểm tra thực tế sẽ không mất nhiều thời gian. Việc cắt giảm thời gian sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ cơ sở nuôi, trồng.

* Quy định cụ thể đối với các trường hợp cần phải tiến hành kiểm tra thực tế và lấy ý kiến của Ban Thư ký CITES.

- Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm b, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp như sau: “Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 18 có trách nhiệm cấp mã số. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 15 ngày.”

Bổ sung thêm quy định trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 đối với các trường hợp cần phải tiến hành kiểm tra thực tế và lấy ý kiến của Ban Thư ký CITES.

IV. LĨNH VỰC NỘI VỤ

1. Thủ tục xét tuyển công chức

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa: Đề nghị bỏ quy định đối với phí phúc khảo

Lý do: Đối với xét tuyển công chức thì vòng 2 là thực hiện phỏng vấn để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển và không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn, do vậy không có phí phúc khảo đối với thủ tục này.

2. Thủ tục thi tuyển viên chức

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa: Đề nghị bổ sung quy định về phí phúc khảo

Lý do: Trường hợp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 2 bằng hình thức thi viết thì có thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 này, do vậy phải bổ sung phí phúc khảo đối với thủ tục này.

3. Thủ tục xét tuyển viên chức:

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa: Đề nghị bổ sung quy định về phí dự tuyển và phí phúc khảo.

Lý do: Theo quy định của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, đối với thủ tục thi tuyển hoặc xét tuyển viên chức thì vòng 2 đều phải thực hiện việc thi bằng một trong ba hình thức là: phỏng vấn; thực hành; thi viết, nên việc thi tuyển hoặc xét tuyển đều phát sinh chi phí để thực hiện thủ tục này, do vậy đề nghị bổ sung quy định về phí dự tuyển và phí phúc khảo đối với thủ tục này.

4. Thủ tục tiếp nhận vào công chức:

Nội dung kiến nghị đơn giản hóa: Đề nghị bổ sung đối tượng tiếp nhận không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Khi tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ...

Lý do: Theo quy định của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ thì khi tiếp nhận vào làm công chức có 2 trường hợp không phải thành lập hội đồng kiểm tra, sát hạch:

Trường hợp 1: người đã từng là cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác;

Trường hợp 2: khi tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý thì không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch, do vậy phải bổ sung đối tượng tiếp nhận không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với nội dung của thủ tục này.

V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nhóm thủ tục Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (04 thủ tục):

- Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục;

- Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người;

- Đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên.

- Nội dung kiến nghị đơn giản hóa: Trình tự thực hiện.

Lý do: Việc quy định đối tượng thực hiện TTHC là trẻ em, học sinh, sinh viên đang học ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập phải gửi đơn có xác nhận của nhà trường về đơn vị trực tiếp quản lý cơ sở giáo dục (Sở GDĐT, Phòng GDĐT hoặc Phòng LĐ-TB&XH) gây khó khăn trong thực tế thực hiện.

- Phương án kiến nghị, đề xuất: Cơ sở giáo dục có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, tổng hợp, lập danh sách và dự toán kinh phí báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để cơ quan quản lý cấp trên thẩm định, phê duyệt, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện.

VI. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thủ tục Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ (01 TTHC)

- Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Bằng Tổ quốc ghi công” của TTHC này.

Lý do: Tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân quy định về thành phần hồ sơ của thủ tục này có “Bản sao Bằng Tổ quốc ghi công”. Tuy nhiên, trong hồ sơ gốc của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý đã có thông tin của liệt sĩ. Ngoài ra, tại nội dung Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (Mẫu LS4) đã yêu cầu đầy đủ các thông tin về: Họ tên liệt sĩ; ngày, tháng, năm hy sinh; nguyên quán; Bằng Tổ quốc ghi công số... và

được UBND cấp xã xác thực. Do đó, việc quy định thêm thành phần hồ sơ “Bản sao Bằng Tổ quốc ghi công” là không cần thiết, tốn kém chi phí thực hiện TTHC.

- Kiến nghị, đề xuất:

Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 05/2013/TT BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội theo hướng bỏ yêu cầu “Bản sao Bằng Tổ quốc ghi công” trong thành phần hồ sơ của thủ tục Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ.

VII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Đối với nhóm TTHC về đất đai (03 TTHC)

- Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.

- Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Tách hợp thửa đất.

- Kiến nghị, đề xuất:

Ngày 30/8/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT về việc công bố TTHC mới ban hành; sửa đổi bổ sung; TTHC được thay thế trong lĩnh vực đất đai trong đó có sửa đổi, bổ sung, thay thế các TTHC tương ứng đã ban hành theo Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017. Trong quá trình nghiên cứu, tổ chức thực hiện, Sở Tài nguyên và Môi trường có một số kiến nghị, như sau:

+ Đối với TTHC “Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận (thủ tục số 15, Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT): Về thời gian thực hiện đều gắn với nội dung của việc đăng ký biến động mà không quy định cho thời

gian cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do trong trình tự thực hiện của TTHC này đang có quy định “Trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận thì lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất”), đây là một quy trình công việc của TTHC khác (thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận). Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường bỏ nội dung cấp Giấy chứng nhận và kết quả TTHC là Giấy chứng nhận tại TTHC này để đảm bảo việc thực hiện đúng nội dung đăng ký biến động cũng như đảm bảo về thời gian giải quyết TTHC.

Tại TTHC số 4 (Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT) có cụm từ “...thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận” và tại TTHC số 12 (Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT) cũng lại quy định về nội dung “Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp”, hai nội dung này trùng nhau về hình thức đăng ký thay đổi tài sản, đề nghị xem xét quy định lại cho phù hợp.

+ Đối với TTHC “Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở” (Thủ tục số 13 của Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT). Đề nghị làm rõ thời gian 30 ngày kiểm tra của Sở TN&MT có nằm trong thời gian thực hiện TTHC hay không vì tại mục 4 (Thời hạn giải quyết) là không quá 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc sửa đổi thời gian thực hiện TTHC là 45 ngày làm việc.

+ Đối với TTHC “Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất” (Thủ tục số 19 của Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT). Đề nghị bổ sung thêm nội dung “Thời gian này không tính... thời gian niêm yết công khai tại cấp xã” vào Mục (4) thời hạn giải quyết của TTHC này.

+ Đối với TTHC “Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định” (Thủ tục số 14 của Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT). Đề nghị bổ sung thêm nội dung “Thời gian 30 ngày đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng

không tính vào thời gian thực hiện TTHC” vào mục (4) thời hạn giải quyết của TTHC.

2. TTHC lĩnh vực Tài nguyên nước - khoáng sản (01 TTHC)

Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản

- Kiến nghị, đề xuất: Trong quá trình giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường gặp khó khăn, vướng mắc trong việc hướng dẫn, yêu cầu doanh nghiệp triển khai thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản khi hoạt động khai thác đã kết thúc hoặc giấy phép khai thác hết hạn nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường (quy định khi nộp hồ sơ doanh nghiệp phải nộp Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt). Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể đối với các doanh nghiệp đã dừng hoạt động khai thác khoáng sản nhưng chưa lập được Đề án cải tạo, phục hồi môi trường./.